

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 06-9-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Đăng Trình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lầy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 530/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 588/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hữu T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 132/423 đường T, tổ V 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/3/2014. Quá trình chung sống chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải. Do mâu thuẫn vợ chồng nên hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 12/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuần đã quá nghiêm T, không thể đoàn tụ được nên chị Nguyễn Thị O đề nghị Toà án giải quyết cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Trần Hữu T.

Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Hữu T có 01 con chung là Trần Hữu Gia P, sinh ngày 28/10/2014; khi ly hôn, chị Nguyễn Thị O xin nhận nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị O đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Trần Hữu T không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên hoà giải, từ chối trình bày quan điểm, không có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Trần Hữu T. Về con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Hữu T có 01 con chung là Trần Hữu Gia P, sinh ngày 28/10/2014, giao con chung cho chị Nguyễn Thị O nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị O không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Hữu T; nơi cư trú: Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a và b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn **số 16/2014, quyền số 01-2013** ngày 12/3/2014. Vì

vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị O và anh Trần Hữu T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào bản tự khai của chị Nguyễn Thị O và các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị O và anh Trần Hữu T trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị O xin ly hôn anh Trần Hữu T là phù hợp pháp luật.

[5] Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Hữu T có 01 con chung là Trần Hữu Gia P, sinh ngày 28/10/2014, từ trước đến nay cháu vẫn ở với mẹ, được mẹ chăm sóc phát triển bình thường; trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hữu T không có quan điểm về việc giải quyết vụ án nên việc chị Nguyễn Thị O xin được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp, cần được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị O đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ý kiến này là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Trần Hữu T.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị O và anh Trần Hữu T.

2. Về nuôi con: Giao con chung là Trần Hữu Gia P, sinh ngày 28/10/2014 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Trần Hữu T hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015313 ngày 14/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thị O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Hữu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 12/3/2014);
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Đăng Trình**